

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2021

“V/v: Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- 1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn H.
- 2. Các Hội thẩm nhân dân:**

2.1. Bà Vũ Thị T;

2.2. Bà Nguyễn Thị L.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên:
Bà Lê Thị C- Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1985, *vắng mặt*.

Quê quán, HKTT và trú tại: Thôn Y K, xã V H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1990, *có mặt*.

Quê quán: Thôn Y T, xã V H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Thôn Y K, xã V H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Tạ An N, sinh ngày 21/9/2013, *vắng mặt*;

3.2. Cháu Tạ An A, sinh ngày 03/11/2015, vắng mặt;

Người giám hộ là cho cháu Tạ An N và cháu Tạ An A là anh Tạ Văn H và chị Phan Thị M (là bố, mẹ đẻ của các cháu).

Đều trú tại: Thôn Y K, xã V H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1950, vắng mặt.

Trú tại: Thôn Y K, xã V H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị C) là: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1985, vắng mặt.

Trú tại: Thôn Y K, xã V H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Tạ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị M, sinh năm 1990 người ở Thôn Y T, xã V H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 17/3/2013. Sau khi kết hôn chị M chuyển về chung sống cùng anh và gia đình nhà chồng, đồng thời chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú nhập về nhà chồng cho đến nay. Tuy nhiên trong suốt thời gian chung sống hai bên không có sự hòa hợp, xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong suốt thời gian dài, mặc dù đã được người thân, bạn bè động viên nhiều nhưng vẫn không thể cải thiện được tình cảm, đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng. Đến tháng 12/2020 anh quyết định làm đơn xin ly hôn gửi tới chính quyền địa phương xã Việt Hòa và đến nay sau khi suy xét kỹ lưỡng, xác định không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên anh quyết định làm đơn gửi tới Tòa án để xin giải quyết ly hôn với chị M để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Ngoài ra sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử do điều kiện anh đang ở thành phố Hà Nội và đang trong khoảng thời gian giãn cách do dịch bệnh không thể đi lại được, đồng thời anh xác định giữ nguyên quan điểm, không có ý kiến gì khác nên đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và nhiều lần thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Trong đó quan điểm của chị M thể hiện: Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2021 chị có quan điểm: Về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn cho thấy cũng thống nhất như anh H đã trình bày. Sau khi kết hôn chị

chuyển về chung sống cùng anh H và gia đình nhà chồng. Đến tháng 7/2020 anh H về nói là không còn tình cảm với chị, hai bên không thể chung sống, đồng thời anh H đến nói chuyện với gia đình chị về việc sẽ quyết định làm đơn xin ly hôn và hai bên sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Vậy quan điểm của chị xác định không mong muốn con cái phải thiếu thốn bố mẹ nên chị không nhất trí ly hôn, còn nếu anh H cương quyết ly hôn thì chị cũng nhất trí, không giữ vì sống như vậy hai bên cũng không có hạnh phúc, chỉ gây áp lực lên cuộc sống. Tại phiên hòa giải ngày 04/3/2021 và ngày 19/3/2021 chị M vẫn giữ quan điểm như trên. Tuy nhiên tại phiên hòa giải lần cuối vào ngày 14/7/2021 chị M xác định giữa chị và anh H không thể hàn gắn, níu kéo thêm, mâu thuẫn giữa hai bên hiện nay đã căng thẳng, mặc dù đã cố gắng níu kéo nhưng không cải thiện được gì trong mối quan hệ hôn nhân vợ chồng nên chị cũng đề nghị Tòa án không hòa giải thêm để tránh mất thời gian của cả hai. Tuy nhiên do hiện anh H chưa chi trả cho chị số tiền phân chia tài sản theo như hai bên đã thỏa thuận bên ngoài với nhau, mặc dù chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết, phân chia tài sản chung trong vụ án này để tránh hai bên phải chịu án phí. Do đó, hiện chị chưa đồng ý ly hôn với anh H mà khi nào anh H trả tiền đầy đủ cho chị thì chị mới đồng ý, còn hiện tại hai bên sẽ tiếp tục sống ly thân.

Về con chung: Anh H và chị M đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Tạ An N, sinh ngày 21/9/2013 và cháu nhỏ là Tạ An A, sinh ngày 03/11/2015. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác, hiện chị M cũng không mang thai. Quan điểm của anh H và chị M thống nhất khi ly hôn mỗi bên có trách nhiệm nuôi một cháu, theo đó anh H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu nhỏ là Tạ An A, còn chị M trực tiếp nuôi cháu lớn là Tạ An N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung hai bên thống nhất: Ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Quan điểm của cháu Tạ An N cũng xin được ở với chị M nếu bố mẹ cháu ly hôn (không chung sống cùng nhau nữa), đồng thời cháu có quan điểm, đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng: Quan điểm của anh H và chị M đều cho biết vợ chồng có tài sản là một ngôi nhà xây 01 tầng kiên cố (kiểu mái thái) với diện tích mặt sàn khoảng 170m², xây năm 2018 (Trong đó anh H khai nhận ngôi nhà được xây bằng tiền chung của cả gia đình anh tập trung lại, còn chị M khai nhận bằng tiền chung của vợ chồng), ngôi nhà được xây dựng trên khuôn viên đất của bố mẹ chồng (Là ông Tạ Văn Đ - đã chết đầu năm 2019 và bà Trần Thị C). Hiện nay toàn bộ thửa đất, trong đó có phần đất mà anh, chị đã xây nhà vẫn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của bố mẹ chồng (ông Đ, bà C). Quan điểm của anh H để anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Quan điểm của chị M tại biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2021 và phiên hòa

giải ngày 04/3/2021, ngày 19/3/2021 xác định nếu chị và anh H ly hôn thì đề nghị chia đôi giá trị ngôi nhà nên ngày 04/3/2021 chị đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nêu trên và ngày 10/3/2021 chị đã giao nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí về phân chia tài sản chung với số tiền là 16.000.000đồng theo thông báo của Tòa án và đã được Tòa án thụ lý giải quyết; Về công nợ chung: Quan điểm của anh H xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án đều khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết; Quan điểm của chị Mkhai nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2021 và biên bản hòa giải ngày 04/3/2021, ngày 19/3/2021 vợ chồng còn nợ từ việc xây ngôi nhà, đến nay còn khoảng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nhưng sẽ tự thỏa thuận với anh H sau khi đối chiếu giá trị trênh lệch của ngôi nhà để hai bên tự phân chia nên chị không yêu cầu Toà đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì chị sẽ cung cấp thông tin để Tòa án giải quyết sau. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/7/2021 chị M đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị chia tài sản chung, công nợ chung đã trình bày trước đây do giữa chị và anh H đã tự thỏa thuận giải quyết được với nhau. Đồng thời tại phiên hòa giải ngày 14/7/2021 anh H và chị M đều xác định hai bên đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh H và chị M đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã Việt Hòa, cùng lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị C cho thấy: Thống nhất như lời khai của anh H và chị Mai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Tạ Văn H, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị C vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Bị đơn chị Phan Thị M vẫn xin rút yêu cầu về việc phân chia tài sản chung và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đây, không có ý kiến gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho anh Tạ Văn H được ly hôn với chị Phan Thị M.

- Về con chung: Giao cháu Tạ An N, sinh ngày 21/9/2013 cho chị M và giao cháu Tạ An A, sinh ngày 03/11/2015 cho anh H để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 30/7/2021 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị M và anh H có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh H và chị M đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung trong vụ án của bị đơn chị Phan Thị M.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Chị M được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án chia tài sản chung đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn Y K, xã V H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (Bị đơn chị M có mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn anh H, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án xác minh, thu thập cho thấy việc anh Tạ Văn H và chị Phan Thị M kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2013 (theo số: 25/2013; quyển số: 01). Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong thời gian dài, không có sự hòa hợp về quan điểm sống. Khi hai bên mâu thuẫn người thân cũng đã động viên nhưng không cải thiện được. Quan điểm của anh H cương quyết giữ quan điểm xin được ly hôn; Quan điểm của chị M cũng xác định mâu thuẫn giữa hai bên hiện nay đã căng thẳng, mặc dù đã cố gắng níu kéo nhưng không cải thiện được gì trong mối quan hệ hôn nhân vợ chồng, chị cũng không còn biện pháp nào khác để cải thiện quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên do hiện anh H chưa chi trả cho chị số tiền phân chia tài sản chung theo như hai bên đã thỏa thuận bên ngoài với nhau, mặc dù chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết, phân chia tài sản chung trong vụ án này. Do đó, hiện chị chưa đồng ý ly hôn với anh H mà khi nào anh H trả tiền đầy đủ cho chị thì chị mới đồng ý, còn hiện tại hai bên sẽ tiếp tục sống ly thân. Xét yêu cầu, quan điểm của chị M là không có căn cứ để chấp nhận nên cần xử cho anh Tạ Văn H được ly hôn với chị Phan Thị M.

[3.2] Về con chung: Anh H và chị M đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Tạ An N, sinh ngày 21/9/2013 và cháu nhỏ là Tạ An A, sinh ngày 03/11/2015. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác, hiện chị M cũng không mang thai. Quan điểm của anh H và chị M thống nhất khi ly hôn mỗi bên có trách nhiệm nuôi một cháu, theo đó anh H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu nhỏ là Tạ An A, còn chị M trực tiếp nuôi cháu lớn là Tạ An N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Quan điểm của cháu Tạ An N cũng xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn (không sống cùng nhau nữa) thì cháu xin được ở với mẹ. Xét nguyện của các bên đều chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần xử giao cháu Tạ An N cho chị M và giao cháu Tạ An A cho anh H để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 30/7/2021 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung anh H và chị M thống nhất: Ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Sau khi ly hôn anh H và chị M có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:

- Qua quá trình giải quyết vụ án ngày 04/3/2021 chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, phân chia tài sản chung của vợ chồng, đến ngày 10/3/2021 chị M đã giao nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án với số tiền là 16.000.000 đồng và được Tòa án thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, ngày 14/7/2021 chị M đã giao nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án đình giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung. Xét thấy việc chị M xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu về phân chia tài sản chung trong vụ án.

- Anh H và chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình trong vụ án này nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

[4] Về án phí:

- **Án phí ly hôn sơ thẩm:** Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Án phí chia tài sản chung:** Chị M đã xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về phân chia tài sản chung nên được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002565 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Khoái Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 3, Điều 18 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3, Điều 18 và điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho cho anh Tà Văn H được ly hôn với chị Phan Thị M.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Tà An N, sinh ngày 21/9/2013 cho chị M và giao cháu Tà An A, sinh ngày 03/11/2015 cho anh H để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 30/7/2021 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị M và anh H có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về yêu cầu phân tố của bị đơn: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về phân chia tài sản chung của bị đơn (chị Phan Thị M) trong vụ án.

6. Về án phí:

- **Án phí ly hôn sơ thẩm:** Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo Biên lai thu số 0002512 ngày 06/01/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Khoái Châu.

- **Án phí chia tài sản chung:** Chị M được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp là 16.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002565 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Khoái Châu.

7. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2021). Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Hòa;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huân